

Số: 56 /BC-THCS AS

An Sơn, ngày 23 tháng 6 năm 2025

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Năm 2025**  
-----

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục;

Trường THCS An Sơn báo cáo kết quả hoạt động như sau:

**I. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN**

**1. Giáo viên:**

| TT | Giáo viên<br>bộ môn | Giáo<br>viên |    | Đăng<br>viên | Số giáo viên |             |                     |      |  |  |
|----|---------------------|--------------|----|--------------|--------------|-------------|---------------------|------|--|--|
|    |                     |              |    |              | Biên<br>chế  | Hợp<br>đồng | Trình độ chuyên môn |      |  |  |
|    |                     | >ĐH          | ĐH |              |              |             | CĐ                  | Khác |  |  |
| 1  | Toán                | 04           | 01 | 02           | 04           |             |                     | 04   |  |  |
| 2  | Ngữ Văn             | 04           | 04 | 03           | 04           |             |                     | 04   |  |  |
| 3  | Ngoại ngữ           | 02           | 02 | 02           | 02           |             |                     | 02   |  |  |
| 4  | Lý                  | 01           | 01 | 0            | 01           |             |                     | 01   |  |  |
| 5  | Hóa                 | 01           | 01 | 01           | 01           |             | 01                  |      |  |  |
| 6  | Sinh                | 01           | 01 | 01           | 01           |             |                     | 01   |  |  |
| 7  | Sử                  | 01           | 01 | 01           | 01           |             |                     | 01   |  |  |
| 8  | Địa                 | 0            | 0  | 0            | 0            |             |                     | 0    |  |  |
| 9  | GDCD                | 01           | 01 | 01           | 01           |             |                     | 01   |  |  |
| 10 | C.nghệ              | 01           | 01 | 01           | 01           |             |                     | 01   |  |  |
| 11 | Âm nhạc             | 01           | 01 | 01           | 01           |             |                     | 01   |  |  |
| 12 | Mỹ thuật            | 01           | 01 | 01           | 01           |             |                     | 01   |  |  |
| 13 | Thể dục             | 01           | 0  | 01           | 01           |             |                     | 01   |  |  |
| 14 | Tin học             | 01           | 01 | 0            | 01           |             |                     | 01   |  |  |
|    | TỔNG CỘNG           | 20           | 16 | 15           | 20           |             | 01                  | 19   |  |  |

**2) Cán bộ quản lý - Nhân viên.**

| TT | Bộ phận | Số lượng |    | Đăng viên | Cán bộ - Nhân viên. |          |          |    |    |      |
|----|---------|----------|----|-----------|---------------------|----------|----------|----|----|------|
|    |         |          |    |           | Biên chế            | Hợp đồng | Trình độ |    |    |      |
|    |         | T.số     | Nữ |           |                     |          | >ĐH      | ĐH | CĐ | Khác |
| 1  | CBQL    | 02       | 01 | 02        | 02                  |          |          | 02 |    |      |
| 2  | Kế toán | 01       | 01 | 01        | 01                  |          |          | 01 |    |      |



|   |                  |           |           |           |           |           |  |           |                    |
|---|------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|--|-----------|--------------------|
| 3 | Y tế             |           |           |           |           |           |  |           |                    |
| 4 | Văn thư          | 01        | 01        | 0         | 01        |           |  | 01        |                    |
| 5 | Thư viện         | 01        | 01        | 01        | 01        |           |  | 01        |                    |
| 6 | Thiết bị         |           |           |           |           |           |  |           |                    |
| 7 | Bảo vệ           | 01        |           |           |           | 01        |  |           | 01                 |
|   | <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>06</b> | <b>04</b> | <b>04</b> | <b>05</b> | <b>01</b> |  | <b>05</b> | <b>0</b> <b>01</b> |

**3, Số lượng CB, QL, GV, NV đạt chuẩn theo quy định:**

- Đạt chuẩn 24/25 đạt 96 %;
- Trên chuẩn: 1/25 đạt 4 %.

100 % CB, GV, NV hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

**II. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

- Phòng học kiên cố: 07 phòng
- Phòng học bộ môn: 05 phòng (Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học, Công nghệ)
- Khu hành chính (Phòng làm việc HT, PHT, các tổ CM, các bộ phận và phòng Hội đồng GV): 09 phòng.
- Phòng truyền thống: 01 phòng.
- Phòng thiết bị chung: 0 phòng.
- Thư viện gồm 01 phòng
- Bàn ghế học sinh và bàn ghế giáo viên được trang bị đầy đủ.
- Công trình phụ:
- + Nhà xe GV: 01; Nhà xe HS: 01
- + Công trình vệ sinh: Giáo viên (02: 01 nam, 01 nữ); Học sinh: 02 (01 nam, 01 nữ).

Cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện tại tương đối đầy đủ để đáp ứng yêu cầu dạy học, các hoạt động giáo dục và công tác quản lý, tuy nhiên chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

**IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

-Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ II theo Quyết định số: /QĐ-SGDDĐT ngày 01/9/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương.

**V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

- Thống kê kết quả năm học 2024 – 2025

| Nội dung       | Khối        | Tốt (Giỏi) |            | Khá        |             | Đạt        |             | Chưa đạt  |              |
|----------------|-------------|------------|------------|------------|-------------|------------|-------------|-----------|--------------|
|                |             | SL         | %          | SL         | %           | SL         | %           | SL        | %            |
| Học tập (HL)   | Khối 6      | 6          | 4.7        | 42         | 33.3        | 64         | 50.8        | 14        | 11.1         |
|                | Khối 7      | 16         | 12.2       | 44         | 33.6        | 66         | 50.4        | 4         | 3.1          |
|                | Khối 8      | 7          | 6.4        | 29         | 26.6        | 52         | 47.7        | 20        | 18.4         |
|                | Khối 9      | 13         | 14         | 32         | 34.4        | 39         | 41.9        | 9         | 9.7          |
|                | <b>Tổng</b> | <b>42</b>  | <b>9.1</b> | <b>147</b> | <b>32.0</b> | <b>221</b> | <b>48.1</b> | <b>47</b> | <b>10.24</b> |
| Rèn luyện (HK) | Khối 6      | 78         | 61.9       | 336        | 28.6        | 12         | 9.5         | 0         | 0            |
|                | Khối 7      | 70         | 53.4       | 43         | 32.8        | 17         | 13          | 0         | 0            |
|                | Khối 8      | 71         | 65.1       | 22         | 20.1        | 15         | 13.7        | 0         | 0            |
|                | Khối 9      | 68         | 73.1       | 12         | 12.9        | 13         | 14          | 0         | 0            |

|  |             |            |             |            |             |           |             |          |          |
|--|-------------|------------|-------------|------------|-------------|-----------|-------------|----------|----------|
|  | <b>Tổng</b> | <b>287</b> | <b>62.5</b> | <b>113</b> | <b>24.6</b> | <b>57</b> | <b>12.4</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |
|--|-------------|------------|-------------|------------|-------------|-----------|-------------|----------|----------|

- Số học sinh 6,7,8 lên lớp thẳng cuối năm học: đạt  $326/264 = 89,5\%$

- Kết quả tốt nghiệp: Học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp là 84/63 đạt 90,3 %.

Kết quả thi vào THPT năm học 2025 - 2026: Tổng số HS lớp 9 thi vào THPT năm học 2025 – 2026 là 83 em. HS dự thi đỗ vào trường công lập 30/83 em đạt 36.1 %, trong đó có 12 em đỗ vào THPT Nam Sách; 14 em đỗ vào THPT Nam Sách II; 04 em đỗ Mạc Đĩnh Chi. Điểm bình quân 16.88 điểm xếp thứ 14/20 trường trong huyện, ( Môn Toán: 4.67 XT 17; Ngữ văn 7,03 XT 7; Tiếng anh: 5,18 XT 11)

Tham gia đầy đủ các cuộc thi do cấp trên phát động. Kết quả cụ thể như sau:

Thi Điền kinh đạt 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba cấp huyện, 01 giải Nhất cấp tỉnh, 01 giải ba cấp Tỉnh. Đồng đội xếp thứ 5/20 trường. Thi HSG các môn lớp 8 đạt 01 giải Nhì, 01 giải Ba , 06 giải khuyến khích, đồng đội xếp thứ 9/20, có 3 HS được tham gia bồi dưỡng vòng tiếp theo. Thi Tiếng anh trên mạng đạt 01 giải ba, 01 giải KK tỉnh ;

Năm học 2024 – 2025 nhà trường xếp thứ 6/20 trường trong huyện, được UBND huyện Nam Sách tặng Giấy khen có thành tích tiêu biểu trong công tác bồi dưỡng HSG, 01 Đ/C đạt Chiến sĩ thi đua cấp Tỉnh; 03 đồng chí được công nhận là CSTĐ cấp cơ sở, 06 đồng chí được chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen, 17 đồng chí được công nhận danh hiệu LĐTT. Đoàn Đội được Tỉnh Đoàn tặng Bằng khen

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Các khoản thu: Nguồn kinh phí chi thường xuyên, thu học phí, các khoản thu của người học được thực hiện đúng văn bản hướng dẫn của cấp trên như Nghị quyết 08/2022; Nghị quyết 17/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương..... Tất cả các khoản thu đều có sử dụng chứng từ hợp lệ, tổ chức thu qua app vào tài khoản tiền gửi của nhà trường tại ngân hàng

Các khoản chi: Chi lương, phụ cấp, chi chuyên môn, chi duy tu, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.... Các khoản chi được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ và hướng dẫn.

Các chế độ chính sách của người học được thực hiện đầy đủ, kịp thời

-Các khoản thu, chi được thực hiện công khai và đúng quy định.

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHÁC

### 1.Công tác kiểm tra nội bộ

- Trong năm học 2024 – 2025 Ban kiểm tra nội bộ trường học đã thực hiện việc kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ cho 100 % các Đ/C CB, GV, NV trong nhà trường, kiểm tra chuyên đề, kiểm tra đột xuất. Kết quả có 17 Đ/C xếp loại tốt; 8 Đ/C loại khá

- Ban Thanh tra nhân dân thực hiện kiểm tra tài chính định kỳ 1lần/kỳ. Kết quả việc thu, chi đảm bảo quy định đúng nguyên tắc tài chính.

### 2. Thực hiện các nội dung công khai

- Thông tin công khai bảo đảm chính xác, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời

- Thực hiện công khai trên cổng thông tin điện tử, công khai trên bản tin, trong các cuộc họp Hội đồng...

### 3. Thực hiện quy chế dân chủ



- Nhà trường đã ban hành các quy chế như Quy chế dân chủ, Quy chế làm việc, Quy chế phối hợp, Quy chế khen thưởng đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định

- Thực hiện tốt dân chủ trong cơ quan được Hội đồng nhân dân huyện kiểm tra, giám sát và đánh giá tốt.

#### **4. Công tác thi đua khen thưởng**

- Thực hiện công khai, minh bạch

- Coi trọng khen thưởng cá nhân có thành tích cao

#### **Nơi nhận:**

- Đăng tải trên Webservice;

- Lưu VP.

